ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 106 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị trên địa bàn Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 11080/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 10 năm 2026 sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 12404/BC-STP ngày 24 tháng 9 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Điều 1. Ban hành quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *05* tháng *12* năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, Thủ trưởng các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật -Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu;
- TT.PVHCC Thành phố; TT.TTĐT Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, VX-Đại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Huy Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 106 /2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, phương thức, trách nhiệm và cơ chế tổ chức thực hiện việc xây dựng, tạo lập, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, bảo đảm liên thông, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương; phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16; quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố theo quy định của Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.

2. Quy định này không áp dụng đối với dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước; việc xây dựng, tạo lập, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp cơ sở dữ liệu có cả dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dữ liệu khác, Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm phân tách, xác định và áp dụng biện pháp kiểm soát truy cập phù hợp; phần dữ liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, các sở, ban, ngành Thành phố, các tổ chức chính trị (Đảng Cộng sản Việt Nam), các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu.

2. Tổ chức, cá nhân sau đây trong phạm vi hoạt động tương ứng theo Quy định này: tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu mở theo Chương III; đối tác khai thác dữ liệu theo Chương IV Quy định này; tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học được đặt hàng theo Điều 40; doanh nghiệp, tổ chức chia sẻ dữ liệu phục vụ lợi ích công cộng theo Điều 44; tổ chức trung gian dữ liệu theo Điều 46; tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm theo Điều 39, Điều 48 Quy định này; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, hạ tầng, nền tảng phục vụ hoạt động dữ liệu của Thành phố.

3. Đối với các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố, cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Thành phố thực hiện theo quy định của Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, pháp luật chuyên ngành, quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy chế phối hợp, thỏa thuận phối hợp có liên quan; việc xây dựng, quản trị, sử dụng dữ liệu trong cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Các quy định về phân công đầu mối, báo cáo, kiểm tra, đôn đốc tại Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; đối với các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản này, việc thực hiện theo quy chế phối hợp, thỏa thuận phối hợp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các thuật ngữ dữ liệu số, dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng, dữ liệu mở, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu được hiểu theo quy định của Luật Dữ liệu; thuật ngữ về xử lý, ẩn danh hóa dữ liệu cá nhân được hiểu theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong Quy định này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu là chủ quản dữ liệu theo quy định của Luật Dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

3. Dữ liệu thời gian thực là dữ liệu được thu thập, truyền nhận, xử lý và cập nhật gần như ngay lập tức sau khi phát sinh, phục vụ giám sát, cảnh báo và điều hành kịp thời.

4. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố là nền tảng dữ liệu tập trung của Thành phố, thực hiện chức năng tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý, chia sẻ và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản trị, điều hành, giám sát, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ công.

5. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) là nền tảng kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương và các hệ thống có liên quan theo quy định.

6. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố (IOC) là nền tảng điều hành số tập trung của Thành phố, khai thác dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và Kho dữ liệu dùng chung Thành phố để phục vụ giám sát, phân tích, cảnh báo, đánh giá và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành.

7. Bản sao số đô thị (Digital Twin) là mô hình số phản ánh trạng thái, hoạt động và sự thay đổi của các đối tượng, hệ thống hoặc đô thị trong môi trường số trên cơ sở tích hợp dữ liệu thực tế, dữ liệu không gian và dữ liệu thời gian thực nhằm phục vụ mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định.

8. Cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố là các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.

9. Đối tác khai thác dữ liệu là tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ ký kết hợp đồng khai thác dữ liệu với cơ quan nhà nước của Thành phố theo quy định tại Chương IV Quy định này.

10. Dữ liệu dẫn xuất là dữ liệu được tạo ra từ việc xử lý, phân tích, tổng hợp, kết hợp dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng khai thác dữ liệu.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

1. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Dữ liệu được chia sẻ từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố hoặc qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố, đã được xác thực theo quy định của pháp luật, được sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính và hoạt động công vụ; cơ quan tiếp nhận không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp lại giấy tờ, dữ liệu tương ứng, trừ trường hợp cần xác minh, thẩm tra hoặc pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

3. Cơ quan cung cấp dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tại thời điểm chia sẻ; cơ quan khai thác dữ liệu chịu trách nhiệm khi sử dụng dữ liệu ngoài mục đích, phạm vi đã được phân quyền.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời không được trái với các quy định chuyên ngành.

2. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, Khung kiến trúc dữ liệu các bộ, ngành, Khung kiến trúc số Thành phố Hồ Chí Minh, Khung kiến trúc dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh, Khung quản trị, quản lý dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố được quản lý, bảo vệ, chia sẻ và khai thác theo quy định của pháp luật, nhằm phục vụ các hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Việc xác định chủ sở

hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu và quyền đối với dữ liệu thực hiện theo Luật Dữ liệu và pháp luật có liên quan.

4. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phải đảm bảo thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng mục đích; bảo đảm an toàn, bảo mật và đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phục vụ hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công, quản trị, điều hành, khai thác giá trị dữ liệu, phục vụ tốt cho công tác giám sát, phản biện xã hội.

5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.

6. Dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố cần được đồng bộ, thống nhất và có tài liệu mô tả chi tiết. Dữ liệu dùng chung cần được quản lý tập trung tại Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

7. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung của Thành phố đều phải thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố, trừ trường hợp văn bản pháp luật về dữ liệu có quy định khác.

8. Dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố cần được chuẩn hoá theo đúng theo các yêu cầu của các Bộ ngành trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng tích hợp vào các cơ sở dữ liệu quốc gia khi có yêu cầu.

9. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, trừ trường hợp luật có quy định khác.

10. Dữ liệu kết nối, chia sẻ phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác theo quy định của pháp luật.

11. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu có chứa dữ liệu cá nhân phải xác định căn cứ pháp lý, mục đích, phạm vi xử lý; thực hiện đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; áp dụng biện pháp tối thiểu hóa dữ liệu, mã hóa hoặc giả danh hóa khi điều kiện kỹ thuật cho phép.

12. Không chia sẻ, khai thác, giao dịch, thử nghiệm, thương mại hóa hoặc đánh giá để xác định giá trị quyền khai thác đối với dữ liệu thuộc bí mật nhà nước; dữ liệu cá nhân chưa đáp ứng điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật; bí mật kinh doanh; dữ liệu hạn chế tiếp cận; dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc

phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; dữ liệu mà pháp luật không cho phép. Giới hạn này áp dụng thống nhất cho mọi cơ chế quản trị, khai thác, chia sẻ, giao dịch và thử nghiệm dữ liệu quy định tại Quy định này.

13. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khi tham gia vào các hoạt động liên quan đến Quy định về phương thức quản trị tiên tiến dựa trên dữ liệu số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu không được thực hiện các hành vi được nêu tại Điều 10 Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu theo Quy định này không được: tái nhận diện chủ thể dữ liệu từ dữ liệu đã được ẩn danh hóa hoặc từ dữ liệu mở, kể cả bằng cách kết hợp với nguồn dữ liệu khác; khai thác, sử dụng dữ liệu ngoài phạm vi, mục đích, thời hạn đã được phê duyệt hoặc thỏa thuận trong hợp đồng khai thác dữ liệu; sử dụng dữ liệu do cơ quan nhà nước của Thành phố cung cấp để huấn luyện, tinh chỉnh mô hình trí tuệ nhân tạo ngoài phạm vi được phê duyệt; chuyển dữ liệu ra nước ngoài hoặc sử dụng nền tảng ở nước ngoài để xử lý dữ liệu khi chưa thực hiện quy định của pháp luật về dữ liệu đối với chuyển, xử lý dữ liệu xuyên biên giới.

14. Dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi được xác định, quản lý, lưu trữ, chuyển và xử lý xuyên biên giới theo quy định của Luật Dữ liệu và Nghị định số 165/2025/NĐ-CP; không đưa dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi vào hợp đồng khai thác dữ liệu theo Chương IV Quy định này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm rà soát, xác định dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi thuộc phạm vi quản lý theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 165/2025/NĐ-CP.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, TRUY CẬP, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU SỐ GIỮA CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục 1. QUẢN LÝ, TRUY CẬP, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU SỐ

Điều 6. Nguyên tắc quản lý dữ liệu số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố

1. Dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị. Dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của cơ quan, đơn vị phải được tổ chức, lưu trữ tạo thuận lợi cho việc chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị bên ngoài.

2. Việc tạo lập, thông tin dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải sử dụng thống nhất dữ liệu danh mục dùng chung, từ điển dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố đều có thể khai thác sử dụng dữ liệu vào mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành trong phạm vi chức

năng của cơ quan, đơn vị. Đặc biệt là để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

4. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và các quy định khác có liên quan.

5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố không được yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan đó đang quản lý hoặc dữ liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu, trừ trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

6. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải lưu lại lịch sử cập nhật, cung cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu làm căn cứ đối chiếu, giải quyết các vấn đề về việc sử dụng sau khi khai thác. Lịch sử được ghi nhận bằng công cụ kỹ thuật trên hệ thống thông tin, nền tảng thực hiện kết nối, chia sẻ; đối với dữ liệu kết nối, chia sẻ qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố, việc ghi nhận do Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố bảo đảm.

7. Nghiêm cấm việc mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

8. Mọi vi phạm, hành vi đánh cắp dữ liệu, hành vi lạm dụng, sử dụng dữ liệu không phải vì mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành của cơ quan, đơn vị hoặc sử dụng dữ liệu vì mục đích cá nhân hay thương mại mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tham mưu và sẽ được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố

1. Cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu dùng chung Thành phố;

b) Cơ sở dữ liệu dùng riêng trong nội bộ một hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị không thuộc điểm a khoản này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và Đơn vị chủ quản dữ liệu xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc Thành phố quản lý.

Điều 8. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố

1. Thành phố thực hiện quản trị dữ liệu thống nhất nhằm bảo đảm dữ liệu được quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà

nước, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới sáng tạo.

2. Thành phố áp dụng nguyên tắc "Một nguồn dữ liệu chính thức" trong hoạt động quản lý nhà nước.

3. Kho dữ liệu dùng chung Thành phố là đầu mối tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu chính thức phục vụ:

a) Chỉ đạo điều hành;

b) Thống kê, báo cáo;

c) Giám sát, đánh giá;

d) Hoạch định chính sách;

đ) Cung cấp dịch vụ công.

4. Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố là nguồn dữ liệu chính thức được quản lý theo các nguyên tắc:

a) Dữ liệu được tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần;

b) Dữ liệu là nguồn lực của Thành phố, được quản trị, bảo vệ, chia sẻ, khai thác theo quy định của Luật Dữ liệu;

c) Dữ liệu được quản lý tập trung, khai thác phân tán theo thẩm quyền;

d) Bảo đảm chất lượng dữ liệu;

đ) Bảo đảm khả năng chia sẻ, kết nối và tái sử dụng dữ liệu.

5. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin và nền tảng số của các cơ quan nhà nước phải kết nối, đồng bộ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung Thành phố theo quy định.

6. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

7. Các nền tảng số của Thành phố phải cung cấp khả năng tổng hợp, phân tích, trực quan hóa dữ liệu, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được theo dõi, giám sát và đánh giá trên cơ sở dữ liệu được cập nhật trên các nền tảng số và Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

9. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bảo đảm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời lên Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số theo quy định.

Điều 9. Cổng dữ liệu Thành phố

1. Cổng dữ liệu Thành phố là đầu mối cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, giám sát tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố.

2. Cổng dữ liệu Thành phố là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội.

3. Các đơn vị thực hiện truy cập Cổng dữ liệu Thành phố tại địa chỉ https://data.hochiminhcity.gov.vn/ theo tài khoản được cấp phát và phân quyền truy cập dữ liệu.

4. Cổng dữ liệu Thành phố công khai danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu chủ, danh mục dữ liệu mở, danh mục dịch vụ chia sẻ dữ liệu và Đơn vị chủ quản dữ liệu tương ứng để cơ quan, đơn vị tra cứu, phục vụ thực hiện khoản 5 Điều 6 Quy định này.

Điều 10. Dữ liệu chủ

1. Dữ liệu chủ là tập hợp các dữ liệu chứa các thông tin nền tảng, cơ bản nhất, mô tả các đối tượng quản lý cốt lõi, ổn định của Thành phố, được sử dụng thống nhất trong toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố nhằm phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Dữ liệu chủ, nhóm dữ liệu chủ được quản lý tập trung, có định danh thống nhất, làm cơ sở để tham chiếu, đối soát, liên thông, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc các tập dữ liệu khác nhau, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

3. Dữ liệu chủ được quản lý theo thuộc tính dữ liệu cơ bản, ổn định, không phụ thuộc vào quy trình nghiệp vụ hay giao dịch phát sinh. Ưu tiên kế thừa, sử dụng dữ liệu chủ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; chỉ xây dựng dữ liệu chủ đặc thù đối với các lĩnh vực riêng của Thành phố.

4. Dữ liệu chủ bao gồm:

a) Dữ liệu chủ của Thành phố là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố.

b) Dữ liệu chủ chuyên ngành là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong phạm vi nội bộ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu chủ của Thành phố, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Danh mục dữ liệu chủ quốc gia.

6. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác định, ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

7. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố thực hiện công bố Danh mục dữ liệu chủ tại Cổng dữ liệu Thành phố.

8. Danh mục dữ liệu chủ của Thành phố và dữ liệu chủ chuyên ngành được thiết lập, khởi tạo trên cơ sở bộ mã khóa định danh theo quy định tại Nghị định số

278/2025/NĐ-CP, bảo đảm nguyên tắc nguồn dữ liệu tin cậy duy nhất và khả năng liên thông, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cập nhật mã khóa định danh vào Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và từ điển dữ liệu dùng chung của Thành phố.

Điều 11. Dữ liệu danh mục dùng chung

1. Dữ liệu danh mục dùng chung của Thành phố là tập hợp các bảng mã, danh sách phân loại, chuẩn hóa thông tin được sử dụng chung, thống nhất trong toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố.

2. Ưu tiên kế thừa, sử dụng dữ liệu danh mục dùng chung do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ban hành. Thành phố chỉ xây dựng dữ liệu danh mục dùng chung đối với các nhóm đối tượng đặc thù chưa được chuẩn hóa ở cấp quốc gia.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và trình cấp thẩm quyền ban hành, cập nhật dữ liệu danh mục dùng chung của Thành phố, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với dữ liệu danh mục dùng chung quốc gia.

Điều 12. Dữ liệu chuyên ngành

1. Dữ liệu chuyên ngành là dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, phản ánh trạng thái, quá trình và kết quả hoạt động quản lý, điều hành.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm rà soát, lập danh mục chi tiết các dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị. Ưu tiên kế thừa, sử dụng danh mục dữ liệu chuyên ngành do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ban hành; chỉ xây dựng danh mục dữ liệu đối với các lĩnh vực riêng của Thành phố. Trường hợp cùng một đối tượng dữ liệu được quản lý đồng thời tại cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ, ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác định nguồn dữ liệu chính thức cho từng nhóm dữ liệu; ưu tiên kết nối, khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được tạo lập, sẵn sàng khai thác, hạn chế thu thập, tạo lập lại, trừ trường hợp cần bổ sung dữ liệu nghiệp vụ đặc thù thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành.

Điều 13. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ tối thiểu mỗi năm một lần. Chu kỳ kiểm tra, đánh giá đối với từng nhóm dữ liệu do Đơn vị chủ quản dữ liệu xác định trong hướng dẫn quy định tại Điều 14 Quy định này, phù hợp với tính chất và mục đích sử dụng của dữ liệu.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu bao gồm:

a) Kiểm kê các hạng mục nội dung dữ liệu;

b) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu;

c) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường;

d) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu;

đ) Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ;

e) Đối với dữ liệu dự kiến công bố dưới dạng dữ liệu mở: đánh giá nguy cơ tiết lộ, tái nhận diện thông tin cá nhân, kể cả nguy cơ phát sinh khi dữ liệu được kết hợp với nguồn dữ liệu khác, trước khi công bố;

g) Đề xuất các hoạt động cần thiết để duy trì dữ liệu (nếu có).

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu theo cơ sở dữ liệu hoặc nhóm cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm**. Chế độ báo cáo được thực hiện trên nền tảng số hoặc hệ thống báo cáo dùng chung; không yêu cầu lập, cung cấp lại thông tin, số liệu đã có và có khả năng khai thác, tổng hợp từ hệ thống.

4. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

Điều 14. Hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu. Đối với từng loại dữ liệu, bao gồm ít nhất các thông tin sau:

a) Các đơn vị được phép truy cập, sử dụng dữ liệu.

b) Các đơn vị được phép cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu. Trong trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức tham gia cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu thì cần xác định rõ một cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm xác nhận dữ liệu cuối cùng được cập nhật nhằm đảm bảo tính chính xác, nhất quán của dữ liệu.

2. Hướng dẫn về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải được công bố công khai.

Điều 15. Phân quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Trừ trường hợp chia sẻ dữ liệu không yêu cầu xác thực cơ quan khai thác dữ liệu (đã thể hiện trong hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu đã ban hành), việc kết nối và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác sử dụng tài khoản kết nối với hình thức định danh và xác thực phù hợp cho cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

3. Đối với dữ liệu khác, Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

4. Việc phân quyền truy cập dữ liệu phải đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu do Đơn vị chủ quản dữ liệu ban hành theo Điều 14 Quy định này, đồng thời không được trái với các quy định chuyên ngành.

Điều 16. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, cung cấp, khai thác dữ liệu giữa các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải thực hiện qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

4. Nội dung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu bao gồm:

a) Tên dịch vụ;

b) Đơn vị cung cấp;

c) Địa chỉ cung cấp dịch vụ;

d) Nội dung dữ liệu chia sẻ;

đ) Hình thức chia sẻ;

e) Cấu trúc dữ liệu trao đổi của dữ liệu được chia sẻ tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

g) Mô hình kết nối;

h) Phương thức chia sẻ;

i) Các yêu cầu khi khai thác;

k) Các thông số, tài liệu kỹ thuật cần thiết kèm theo.

Điều 17. Từ điển dữ liệu dùng chung

1. Từ điển dữ liệu dùng chung là hệ thống tài liệu và công cụ kỹ thuật định nghĩa thống nhất tên gọi, mô tả, định dạng, đơn vị tính, mối liên kết và cách sử dụng của các trường dữ liệu được sử dụng phổ biến giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm bảo đảm kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

3. Các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động tạo lập, truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của Thành phố có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định của từ điển dữ liệu.

Điều 18. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu bao gồm:

a) Hệ thống thông tin và hạ tầng kết nối mạng phù hợp để cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu;

b) Công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu và xác thực dữ liệu trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;

c) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của đơn vị theo quy định của pháp luật;

d) Các điều kiện kỹ thuật khác phục vụ kết nối, cung cấp dữ liệu và khai thác và sử dụng dữ liệu.

2. Thành phố triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng để giám sát an toàn hệ thống thông tin; phát hiện, cảnh báo sớm nguy cơ tấn công mạng; ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin.

3. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố chủ trì, xây dựng, duy trì, vận hành Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu Thành phố phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước Thành phố và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

Điều 19. Giám sát hoạt động xử lý dữ liệu

1. Nguyên tắc giám sát hoạt động xử lý dữ liệu:

a) Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị Thành phố phải được giám sát liên tục, công khai và có truy vết;

b) Việc giám sát được thực hiện thông qua hệ thống kỹ thuật và cơ chế quản lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Giám sát hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm vận hành hệ thống kỹ thuật giám sát việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn Thành phố; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Công an Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin, việc tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Bộ Tư lệnh Thành phố có trách nhiệm thực hiện việc giám sát hoạt

động, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phối hợp với các đơn vị được nêu tại khoản 2 Điều này để thực hiện.

Điều 20. Tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho tất cả các cơ quan khai thác trong trường hợp sau:

a) Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin;

b) Trường hợp bất khả kháng làm gián đoạn cung cấp dịch vụ, kết nối hoặc có ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thông tin, sự an toàn dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dữ liệu cho một hoặc một số cơ quan khai thác trong những trường hợp sau:

a) Cơ quan khai thác vi phạm quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu;

b) Kết nối dữ liệu được xác định có khả năng làm mất an toàn, an ninh.

3. Trong trường hợp tạm ngừng kết nối, cung cấp dịch vụ theo điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp phải thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị ít nhất 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu; thông báo khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; đồng thời có phương án dự phòng nhằm hỗ trợ, tránh làm gián đoạn việc khai thác dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt các hoạt động khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống phải thực hiện trong thời gian ngắn nhất và hạn chế thấp nhất rủi ro cho cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu do việc gián đoạn, tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu gây ra.

4. Trong trường hợp bất khả kháng phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải thông báo công khai bằng hình thức phù hợp và tiến hành nhanh chóng các biện pháp khắc phục sự cố.

5. Trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan cung cấp dữ liệu thông báo bằng văn bản cho cơ quan khai thác dữ liệu trong thời gian chậm nhất 01 ngày kể từ thời điểm xác định vi phạm những nội dung sau:

a) Nội dung vi phạm quy định, quy chế, phương án xử lý vi phạm;

b) Những yêu cầu cần thiết cần thực hiện để duy trì hoặc khôi phục kết nối.

Điều 21. Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu có quyền chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng cho cơ quan khai thác dữ liệu trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi, điều chỉnh về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dẫn đến việc sử dụng dữ liệu của cơ quan khai thác dữ liệu không còn phù hợp;

b) Việc kết nối không thể khôi phục do sự cố hoặc do điều kiện khách quan mà cơ quan cung cấp dữ liệu không thể tiếp tục duy trì các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

c) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật;

d) Cơ quan khai thác dữ liệu không có nhu cầu tiếp tục kết nối và khai thác dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thông báo kết quả chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác dữ liệu và các cơ quan có liên quan.

3. Đối với dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung của Thành phố và dữ liệu thuộc danh mục kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, cơ quan cung cấp dữ liệu chỉ chấm dứt kết nối, chia sẻ trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 22. Đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

2. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cơ quan nhà nước chỉ được thực hiện thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Thành phố.

4. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu dùng chung phải được ghi vào nhật ký của Kho dữ liệu dùng chung.

5. Khi xảy ra sự cố mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, cơ quan phát hiện sự cố có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan cung cấp dữ liệu, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và Công an Thành phố để phối hợp xử lý; trách nhiệm được xác định theo phạm vi quản lý hệ thống quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 23. Thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Trung tâm dữ liệu quốc gia

1. Các sở, ngành có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương thực hiện việc xây dựng, tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung.

2. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố là đầu mối kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ Kho dữ liệu của Thành phố và Trung tâm dữ liệu quốc gia. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ đồng thời với Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành Trung ương theo yêu cầu quản lý chuyên ngành, bảo đảm nguyên tắc dữ liệu được tạo lập một lần, khai thác và sử dụng nhiều lần. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Trung

tâm Chuyển đổi số Thành phố hướng dẫn thống nhất về cấu trúc dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương thức kết nối, giao diện lập trình ứng dụng (API) tần suất đồng bộ, việc ghi nhận lịch sử kết nối, chia sẻ quy định tại khoản 6 Điều 6 Quy định này, việc kết nối dữ liệu thời gian thực và việc kết nối các hệ thống thông tin hiện có của cơ quan, đơn vị để các sở, ngành triển khai thống nhất.

Mục 2. QUẢN TRỊ TIÊN TIẾN DỰA TRÊN DỮ LIỆU SỐ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ, TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Điều 24. Phương thức quản trị dựa trên dữ liệu và nền tảng số

1. Thành phố thực hiện phương thức quản trị và điều hành dựa trên dữ liệu nhằm chuyển đổi từ mô hình quản lý dựa trên hồ sơ, báo cáo thủ công sang mô hình quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu số, dữ liệu thời gian thực, phân tích dữ liệu và các nền tảng số.

2. Dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước được thu thập từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin nghiệp vụ, hệ thống cảm biến, camera, thiết bị kết nối vạn vật (IoT) và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

3. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố và được tập trung, chuẩn hóa, quản lý tại Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

4. Kho dữ liệu dùng chung là nền tảng dữ liệu tập trung của Thành phố, có chức năng tích hợp, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý, phân tích và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, Bản sao số đô thị, các nền tảng phân tích dữ liệu và hệ thống trí tuệ nhân tạo khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu thời gian thực (từ camera, cảm biến, thiết bị kết nối vạn vật) để thực hiện chức năng giám sát, phân tích, dự báo, mô phỏng, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định.

6. Các báo cáo điều hành, hệ thống chỉ số quản trị, bảng điều khiển, công cụ cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định của Thành phố được ưu tiên hình thành tự động từ dữ liệu trên Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng số.

7. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cập nhật, chia sẻ dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm bảo đảm vận hành thống nhất mô hình quản trị dựa trên dữ liệu của Thành phố.

8. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu được cung cấp từ Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng số của Thành phố.

Điều 25. Quản trị thông qua Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố (IOC)

1. Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố là nền tảng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tập trung, liên thông, trực tuyến trên cơ sở khai

thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và các nguồn dữ liệu hợp pháp được phép kết nối theo quy định.

2. Cơ quan được giao quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố có trách nhiệm tổ chức khai thác, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông qua Kho dữ liệu dùng chung Thành phố; kết nối, khai thác dữ liệu thời gian thực từ các hệ thống giám sát, cảm biến, thiết bị kết nối vạn vật (IoT) và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo thời gian thực, xử lý tình huống khẩn cấp hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cơ quan được giao quản lý, vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cấu hình, phân quyền, cung cấp thông tin điều hành trên nền tảng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nhu cầu khai thác của từng cấp lãnh đạo, từng vị trí việc làm và từng lĩnh vực chuyên môn.

4. Việc quản lý, vận hành, khai thác Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố phải bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện phân quyền truy cập, ghi nhật ký khai thác, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

Điều 26. Quản trị đô thị dựa trên Bản sao số đô thị (Digital Twin)

1. Bản sao số đô thị được hình thành trên cơ sở tích hợp dữ liệu không gian địa lý, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu thời gian thực và dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố nhằm tạo lập môi trường số phản ánh trạng thái vận hành của đô thị theo thời gian thực.

2. Bản sao số đô thị được sử dụng để dự báo, mô phỏng, hỗ trợ quy hoạch; đánh giá tác động của các dự án đầu tư; quản lý hạ tầng kỹ thuật; quản lý giao thông; quản lý môi trường; hỗ trợ ra quyết định trong quản trị đô thị.

3. Các cơ quan chuyên môn trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm cung cấp các lớp dữ liệu không gian liên quan đến các đối tượng quản lý của mình phục vụ quản lý đô thị thống nhất.

4. Cơ quan chủ trì triển khai Bản sao số đô thị có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị trong các ngành, lĩnh vực chuẩn hóa; cập nhật thường xuyên dữ liệu phục vụ liên thông giữa các ngành; chia sẻ thống nhất trong toàn Thành phố.

Điều 27. Quản lý dịch vụ công dựa trên dữ liệu số

1. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phải khai thác dữ liệu từ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật để tự động điền thông tin, kiểm tra, đối chiếu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Chuyển đổi từ quy trình kiểm tra hồ sơ giấy sang xác thực thông tin tự động thông qua kết nối, tích hợp với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Thông tin của tổ chức, cá nhân đã có trong cơ sở dữ liệu nhà nước và đã được xác thực hợp pháp đủ điều kiện khai thác, tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ đã có, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Triển khai xác thực điện tử; chữ ký số; xác thực đa yếu tố; định danh số trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ số.

5. Dựa trên phân tích dữ liệu cá nhân để cung cấp dịch vụ công chủ động phải có sự đồng ý rõ ràng của chủ thể dữ liệu; chủ thể được rút lại sự đồng ý; quá trình xử lý phải được lưu vết theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và chính quyền chủ động thông báo và hướng dẫn người dân thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khi đến hạn (như gia hạn giấy phép, lịch tiêm chủng, thủ tục an sinh xã hội…).

6. Cung cấp ứng dụng AI, trợ lý ảo thông minh để hướng dẫn dịch vụ hành chính công 24/7, cá nhân hóa thông tin theo nhu cầu của từng đối tượng.

7. Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho các cơ quan, đơn vị phải được quản lý, theo dõi, giám sát trên nền tảng số thống nhất của Thành phố.

Điều 28. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong quản lý nhà nước

1. Cơ quan nhà nước Thành phố được khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ phân tích dữ liệu trong quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Việc khai thác dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung Thành phố và các nền tảng số của Thành phố thông qua hệ thống trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý nhà nước phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu đầu vào là dữ liệu hợp pháp; không sử dụng dữ liệu thuộc giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 Quy định này;

b) Việc truy cập dữ liệu thực hiện theo phân quyền quy định tại Điều 15 Quy định này;

c) Dữ liệu đầu vào được kiểm tra, đánh giá chất lượng theo quy định tại Điều 13 Quy định này;

d) Mọi hoạt động khai thác dữ liệu thông qua hệ thống trí tuệ nhân tạo phải được ghi nhật ký, bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát và truy vết.

3. Việc phân loại, quản lý, kiểm soát rủi ro, yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm an toàn đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo và việc sử dụng kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra thực hiện theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 29. Quản trị, khai thác và cung cấp dữ liệu

1. Dữ liệu được cung cấp theo các hình thức:

a) Chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước;

b) Cung cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

c) Cung cấp dưới dạng dữ liệu mở;

d) Cung cấp thông qua các nền tảng số, giao diện lập trình ứng dụng (API) và các phương thức điện tử khác theo quy định.

2. Thành phố tổ chức công bố và cung cấp dữ liệu mở theo lộ trình phù hợp, bảo đảm minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

3. Cơ quan tạo lập dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu trong quá trình tạo lập, cập nhật dữ liệu, kịp thời chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu và giải trình khi phát hiện sai lệch.

4. Cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu trong quá trình chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng; dữ liệu được cung cấp thông qua nền tảng số, dịch vụ dữ liệu phải bảo đảm khả năng tái sử dụng trong các hệ thống thông tin khác theo phạm vi quyền khai thác; kịp thời phối hợp cơ quan tạo lập dữ liệu chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu và giải trình khi phát hiện dữ liệu sai lệch. Trường hợp phát hiện việc chia sẻ dữ liệu không đúng thẩm quyền hoặc dữ liệu được khai thác, sử dụng không đúng mục đích, cơ quan chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tạm dừng việc chia sẻ, khai thác dữ liệu, xác định nguyên nhân, khắc phục hậu quả và xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi xác minh không khắc phục được, việc chấm dứt kết nối, chia sẻ thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy định này.

Điều 30. Chính quyền chủ động phục vụ người dân và doanh nghiệp

1. Cơ quan nhà nước được sử dụng dữ liệu hợp pháp để chủ động cung cấp thông tin, hỗ trợ và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp dịch vụ công chủ động được thực hiện đối với các trường hợp:

a) Gia hạn giấy phép;

b) Nghĩa vụ tài chính;

c) Chính sách an sinh xã hội;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp;

đ) Các dịch vụ công khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Chương III
DỮ LIỆU MỞ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 31. Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

1. Hoạt động cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đúng đủ dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc;

b) Dữ liệu mở không được tiết lộ thông tin cá nhân; đã được đánh giá và hạn chế nguy cơ, rủi ro tiết lộ thông tin cá nhân khi dữ liệu mở kết hợp với các thông tin khác;

c) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất theo tần suất cập nhật được công bố;

d) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng;

đ) Dữ liệu mở phải đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được;

e) Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, khai thác, sử dụng dữ liệu mở;

g) Sử dụng dữ liệu mở là miễn phí;

h) Cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong quá trình công bố, cung cấp dữ liệu mở; tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu mở chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và kiểm soát rủi ro phát sinh khi khai thác, kết hợp, sử dụng dữ liệu mở;

i) Ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các Đơn vị chủ quản dữ liệu, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm tham mưu cấp thẩm quyền ban hành danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

Điều 32. Quy định sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép tự do sao chép, chia sẻ, trao đổi, sử dụng dữ liệu mở hoặc kết hợp dữ liệu mở với dữ liệu khác; sử dụng dữ liệu mở vào sản phẩm, dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trích dẫn, ghi nhận thông tin sử dụng dữ liệu mở trong các sản phẩm, tài liệu liên quan có sử dụng dữ liệu mở. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố công bố hướng dẫn hình thức trích dẫn, ghi nhận nguồn trên Cổng dữ liệu Thành phố, bao gồm trường hợp dữ liệu được khai thác tự động qua giao diện lập trình ứng dụng (API) hoặc được tích hợp vào sản phẩm, dịch vụ số.

3. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu nguyên trạng như được công bố; không bao gồm các hình thức trình bày và các thông tin phát sinh từ dữ liệu mở đã được cung cấp.

4. Cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm đối với tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ việc cơ quan, tổ chức, cá nhân xử lý, diễn giải, kết hợp hoặc sử dụng dữ liệu mở sau khi dữ liệu được công bố, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh do việc cung cấp, công bố dữ liệu không tuân thủ Quy định này hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 33. Phương thức, cách thức công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

1. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước được cung cấp qua các phương thức sau:

a) Cung cấp dữ liệu được đóng gói và cho phép tổ chức, cá nhân tải về sử dụng;

b) Cung cấp dữ liệu thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Dữ liệu mở phải được công bố trên Cổng dữ liệu Thành phố.

3. Khi phát hiện dữ liệu mở đã công bố có nguy cơ tiết lộ, tái nhận diện thông tin cá nhân, Đơn vị chủ quản dữ liệu phối hợp Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tạm ngừng công bố, điều chỉnh hoặc thu hồi tập dữ liệu trên Cổng dữ liệu Thành phố.

Chương IV

CƠ CHẾ CHIA SẺ DỮ LIỆU CÔNG - TƯ THEO HỢP ĐỒNG KHAI THÁC DỮ LIỆU

Điều 34. Phạm vi dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng

1. Dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng là dữ liệu do cơ quan nhà nước của Thành phố quản lý, có khả năng phục vụ phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, quản trị đô thị, cung cấp dịch vụ số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước.

2. Dữ liệu được xem xét chia sẻ, khai thác theo hợp đồng bao gồm:

a) Dữ liệu được xác định rõ cơ quan quản lý, cơ quan cung cấp, phạm vi dữ liệu, mức độ sẵn sàng kỹ thuật và mục đích khai thác.

b) Dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý để bảo đảm không làm lộ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu hạn chế tiếp cận hoặc thông tin khác được pháp luật bảo vệ.

c) Dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu mở được cơ quan nhà nước cung cấp miễn phí trên Cổng dữ liệu của Thành phố, Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 35. Nguyên tắc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng

1. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi dữ liệu, đúng đối tượng, đúng thời hạn, đúng phương thức khai thác và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối với dữ liệu chuyên ngành, việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hợp đồng phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định dạng dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, công bố hoặc hướng dẫn áp dụng.

3. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không làm thất thoát, lãng phí tài sản công, tài nguyên dữ liệu và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.

4. Dữ liệu được chia sẻ, khai thác theo hợp đồng chỉ được sử dụng trong phạm vi cần thiết để thực hiện mục đích đã được xác định trong hợp đồng; không được sử dụng dữ liệu ngoài phạm vi, mục đích, thời hạn và phương thức đã được thỏa thuận, trừ trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

5. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu phải gắn với trách nhiệm giải trình của các bên tham gia; mọi hoạt động truy cập, xử lý, phân tích, tích hợp, chia sẻ hoặc tạo lập sản phẩm từ dữ liệu phải có khả năng ghi nhận, truy vết, kiểm tra và đánh giá.

6. Không sử dụng cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu để chuyển giao quyền quản lý dữ liệu gốc, hợp thức hóa việc cung cấp dữ liệu trái phép, độc quyền hóa nguồn dữ liệu công hoặc tạo lợi thế cạnh tranh không công bằng cho một tổ chức, doanh nghiệp.

7. Ranh giới dữ liệu được phép và không được phép đưa vào hợp đồng khai thác dữ liệu công - tư thực hiện theo giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 và tiêu chí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Quy định này, bảo đảm không để lộ, mất an toàn dữ liệu cá nhân và không thương mại hóa trái phép dữ liệu thuộc phạm vi bảo vệ của Nhà nước.

Điều 36. Thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư

1. Thành phố thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư giữa cơ quan nhà nước được giao quản lý dữ liệu với tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng điều kiện tham gia khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật. Việc thí điểm được thực hiện trên cơ sở hợp đồng khai thác dữ liệu và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức thí điểm hợp tác bao gồm:

a) Khai thác dữ liệu mở đã được cơ quan nhà nước công bố theo quy định của pháp luật để phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ số, đổi mới sáng tạo và lợi ích cộng đồng;

b) Cung cấp quyền truy cập có kiểm soát đối với dữ liệu được phép khai thác để tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sản phẩm, dịch vụ số, công cụ phân tích, nền tảng, mô hình khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

c) Tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng hoặc giải pháp kỹ thuật phục vụ hoạt động chuyên môn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Việc khai thác dữ liệu phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống, nếu có, không được coi là lợi ích đối ứng đương nhiên từ việc cung cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng hoặc giải pháp kỹ thuật; chỉ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng hoặc nội dung hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đối với dữ liệu được phép khai thác;

d) Hợp tác nghiên cứu, thử nghiệm, đồng nghiên cứu, đồng phát triển sản phẩm dữ liệu, dữ liệu dẫn xuất, báo cáo phân tích, bản đồ số, mô hình phân tích, mô hình dự báo, mô hình trí tuệ nhân tạo, bản sao số đô thị, nền tảng số, tiện ích số hoặc giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ Thành phố, người dân và doanh nghiệp;

đ) Hình thức hợp tác khác phù hợp với mục đích khai thác dữ liệu, yêu cầu phát triển sản phẩm dữ liệu, khả năng kiểm soát rủi ro và quy định của pháp luật.

3. Việc thí điểm hợp tác chỉ được thực hiện đối với dữ liệu hợp pháp, dữ liệu được phép khai thác, dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã được ẩn danh hóa. Không khai thác dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân (trừ dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý bảo đảm không làm lộ dữ liệu cá nhân theo điểm b khoản 2 Điều 34 Quy định này), dữ liệu hạn chế tiếp cận, bí mật kinh doanh, dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Hợp đồng khai thác dữ liệu phải xác định rõ chủ thể tham gia; dữ liệu được khai thác; mục đích, phạm vi, phương thức, thời hạn, điều kiện khai thác; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên; quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng, quyền khai thác đối với sản phẩm, dịch vụ, nền tảng, mô hình, dữ liệu dẫn xuất hoặc kết quả khác hình thành từ quá trình hợp tác; cơ chế phân chia lợi ích, nếu có; yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước; cơ chế kiểm tra, giám sát, báo cáo, tạm dừng, chấm dứt, thu hồi quyền khai thác dữ liệu và xử lý vi phạm. Việc thỏa thuận về quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng, quyền khai thác đối với các kết quả nêu trên chỉ được thực hiện trong phạm vi quyền mà từng bên được phép định đoạt theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Việc thí điểm hợp tác khai thác dữ liệu và phát triển sản phẩm dữ liệu công - tư phải được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, đề án hoặc phương án thí điểm được cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Hồ sơ, đề án hoặc phương án thí điểm phải xác định rõ chủ thể tham gia; loại dữ liệu được khai thác; mục tiêu, phạm vi, thời hạn, phương thức khai thác; nội dung chủ yếu của hợp đồng; tiêu chí đánh giá kết quả; cơ chế giám sát, báo cáo; phương án xử lý rủi ro, tạm dừng, chấm dứt, thu hồi quyền khai thác dữ liệu và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Cơ chế chia sẻ lợi ích từ khai thác dữ liệu

1. Trường hợp dữ liệu của Thành phố được sử dụng để tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc giá trị kinh tế, các bên tham gia được thỏa thuận cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Giá trị chia sẻ có thể được thực hiện dưới các hình thức:

a) Chia sẻ doanh thu;

b) Chia sẻ sản phẩm;

c) Chia sẻ quyền sử dụng công nghệ;

d) Chia sẻ kết quả nghiên cứu;

đ) Hình thức khác theo hợp đồng.

3. Việc xác định giá trị dữ liệu, giá trị khai thác và tỷ lệ phân chia lợi ích phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và không làm thất thoát tài sản công; trường hợp pháp luật yêu cầu xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu thì thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 45 Quy định này.

4. Nguồn thu từ khai thác dữ liệu được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; Thành phố ưu tiên bố trí nguồn lực để tái đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Điều 38. Danh mục dữ liệu có giá trị khai thác

1. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu có giá trị khai thác phục vụ phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị đô thị.

2. Danh mục dữ liệu có giá trị khai thác bao gồm:

a) Dữ liệu giao thông, vận tải;

b) Dữ liệu quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị;

c) Dữ liệu đất đai, nhà ở, bất động sản theo phạm vi được phép khai thác;

d) Dữ liệu tài nguyên, môi trường, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai;

đ) Dữ liệu du lịch, văn hóa, thể thao, sự kiện;

e) Dữ liệu thương mại, dịch vụ, logistics, thị trường;

g) Dữ liệu năng lượng, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước và các dịch vụ hạ tầng đô thị;

h) Dữ liệu doanh nghiệp, đầu tư, công nghiệp, sản xuất, chuỗi cung ứng;

i) Dữ liệu nông nghiệp, tài nguyên nước, thủy lợi;

k) Dữ liệu y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội ở dạng tổng hợp, thống kê, ẩn danh hóa hoặc hình thức khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật;

l) Dữ liệu tài chính, ngân sách, giá cả, mua sắm công, đầu tư công theo phạm vi được phép công khai, chia sẻ, khai thác;

m) Dữ liệu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

n) Dữ liệu phản ánh, kiến nghị, mức độ hài lòng, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp;

o) Dữ liệu không gian địa lý, bản đồ số, viễn thám và dữ liệu phục vụ bản sao số đô thị;

p) Các loại dữ liệu khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc đưa dữ liệu vào danh mục dữ liệu có giá trị khai thác phải căn cứ vào kết quả phân loại dữ liệu, mục đích khai thác, phạm vi chia sẻ, khả năng kiểm soát rủi ro và quy định của pháp luật. Việc đưa dữ liệu vào danh mục quy định tại Điều này không đương nhiên làm phát sinh quyền được chia sẻ hoặc thương mại hóa đối với dữ liệu đó và không thay thế việc xem xét, cho phép khai thác đối với từng dữ liệu cụ thể theo quy định của pháp luật. Các loại dữ liệu không được khai thác, chia sẻ, thương mại hóa thực hiện theo giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 Quy định này.

Điều 39. Thử nghiệm mô hình kinh tế dữ liệu và đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu

1. Thành phố khuyến khích nghiên cứu, đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với mô hình khai thác giá trị dữ liệu, sản phẩm dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và giải pháp đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu sử dụng trong thử nghiệm phải là dữ liệu hợp pháp, dữ liệu được phép khai thác; không sử dụng dữ liệu thuộc bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân chưa đáp ứng điều kiện xử lý, dữ liệu hạn chế tiếp cận, bí mật kinh doanh hoặc dữ liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Việc thử nghiệm được thực hiện trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc cơ quan, người được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật; phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, thời hạn, chủ thể tham gia, loại dữ liệu được sử dụng, tiêu chí đánh giá, cơ chế giám sát, phương án xử lý rủi ro và trách nhiệm của các bên liên quan.

4. Việc quyết định thử nghiệm và triển khai thử nghiệm đối với hệ thống số, nền tảng số, dịch vụ số chưa sẵn có trên thị trường và dự án chưa có tiền lệ thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số; thẩm quyền quyết định thử nghiệm thực hiện theo khoản 5 Điều 39 Nghị định số 224/2026/NĐ-CP.

Điều 40. Đặt hàng doanh nghiệp làm giàu dữ liệu

1. Thành phố được đặt hàng doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện chuẩn hóa, làm giàu, phân tích, mô hình hóa và phát triển dữ liệu phục vụ quản trị đô thị.

2. Việc đặt hàng, thanh toán, nghiệm thu thực hiện theo kết quả đầu ra, giá trị dữ liệu gia tăng hoặc hiệu quả khai thác thực tế và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Kết quả dữ liệu hình thành từ nhiệm vụ đặt hàng của Thành phố thuộc quyền quản lý của Thành phố theo quy định của pháp luật; quyền hợp pháp của đơn vị thực hiện đối với công nghệ, công cụ, mô hình hoặc tài sản có trước hoặc độc lập với nhiệm vụ đặt hàng được xác định trong hợp đồng đặt hàng. Đơn vị thực hiện chỉ được khai thác thương mại kết quả dữ liệu trong phạm vi hợp đồng, theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật. Trường hợp hoạt động vừa thực hiện theo cơ chế đặt hàng vừa có nội dung hợp tác khai thác dữ liệu, quyền đối với kết quả dữ liệu hình thành từ nhiệm vụ đặt hàng thực hiện theo khoản này; quyền đối với kết quả khác thực hiện theo khoản 4 Điều 36 Quy định này.

Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước và đối tác khai thác dữ liệu

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện; chủ trì xây dựng mẫu hợp đồng khai thác dữ liệu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Thẩm quyền trong chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu được thực hiện như sau:

a) Việc cho phép chia sẻ, khai thác đối với từng dữ liệu cụ thể do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý và quy định của pháp luật về dữ liệu; việc đưa dữ liệu vào danh mục dữ liệu có giá trị khai thác quy định tại Điều 38 Quy định này không thay thế việc cho phép này;

b) Việc lựa chọn đối tác khai thác dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

c) Việc ký kết hợp đồng khai thác dữ liệu chỉ được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, đề án hoặc phương án thí điểm đã được cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy định này;

d) Việc xác định giá trị dữ liệu, giá trị quyền khai thác dữ liệu và tỷ lệ phân chia lợi ích thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 và khoản 3 Điều 45 Quy định này;

đ) Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ khai thác dữ liệu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quy định này.

3. Cơ quan quản lý dữ liệu, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm rà soát dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; xác định điều kiện chia sẻ, khai thác; thiết lập phương thức cung cấp, kiểm soát truy cập, ghi nhận nhật ký; phối hợp kiểm tra, giám sát và xử lý sự cố phát sinh.

4. Đối tác khai thác dữ liệu có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thời hạn, đúng phương thức đã được xác định trong hợp đồng; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Đối tác khai thác dữ liệu phải thực hiện chế độ báo cáo, giải trình, cung cấp nhật ký khai thác dữ liệu, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu đánh giá rủi ro và tài liệu liên quan khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; đồng thời chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ, dữ liệu dẫn xuất, mô hình phân tích hoặc kết quả khác hình thành từ dữ liệu được khai thác.

Điều 42. Bảo đảm an toàn dữ liệu, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

1. Các hệ thống thông tin tham gia kết nối chia sẻ dữ liệu phải được áp dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hợp đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên, bảo đảm tuân thủ về mục đích sử dụng, phạm vi khai thác, phương thức truy cập, việc chia sẻ lại dữ liệu, sản phẩm hình thành từ dữ liệu, nghĩa vụ chia sẻ lợi ích và việc bảo đảm an toàn dữ liệu và các nội dung khác theo hợp đồng đã ký kết.

3. Trường hợp sử dụng trí tuệ nhân tạo, mô hình phân tích dữ liệu hoặc hệ thống tự động hỗ trợ ra quyết định, đối tác khai thác dữ liệu hoặc cơ quan, tổ chức trực tiếp triển khai, vận hành hệ thống phải có biện pháp kiểm soát tái nhận diện dữ liệu cá nhân, lộ lọt dữ liệu; ghi nhật ký và giải trình được phương thức sử dụng dữ liệu, dữ liệu đầu vào khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Việc kiểm soát sai lệch, quản lý rủi ro đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Quy định này.

4. Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu công - tư theo hợp đồng chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và an toàn, an ninh mạng trong toàn bộ quá trình thực hiện.

5. Khi phát hiện dấu hiệu khai thác dữ liệu sai mục đích, vượt phạm vi hợp đồng, chia sẻ dữ liệu trái phép, mất an toàn dữ liệu hoặc ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, thì các cơ quan đơn vị tham gia hợp đồng phải dừng ngay hoạt động chia sẻ, khai thác dữ liệu và thực hiện các biện pháp khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

6. Kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm là căn cứ để xem xét tiếp tục thực hiện, điều chỉnh, gia hạn, chấm dứt hợp đồng hoặc không cho phép đối tác tiếp tục tham gia cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu.

Điều 43. Sàn dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố triển khai Sàn dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 44. Cơ chế chia sẻ dữ liệu phục vụ lợi ích công cộng

1. Cơ quan nhà nước Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố được xem xét đề nghị các doanh nghiệp, tổ chức đang quản lý dữ liệu có giá trị phục vụ lợi ích công cộng thực hiện chia sẻ dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh hóa theo quy định pháp luật.

2. Dữ liệu được ưu tiên chia sẻ phục vụ:

a) Điều hành giao thông;

b) Quản lý môi trường;

c) Phòng, chống thiên tai;

d) Quản lý an toàn thực phẩm;

đ) Phát triển du lịch;

e) Quản lý đô thị thông minh;

g) Các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

3. Việc chia sẻ dữ liệu quy định tại Điều này phải bảo đảm không làm lộ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, bí mật nhà nước và các thông tin thuộc danh mục hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước khuyến khích, xem xét khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức chủ động, kịp thời chia sẻ dữ liệu phục vụ hoạt động cứu hộ, cứu nạn, an sinh xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và lợi ích công cộng khác quy định tại Điều này, theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 45. Đánh giá, phân loại giá trị khai thác dữ liệu

1. Thành phố nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại giá trị khai thác dữ liệu làm cơ sở quản lý, chia sẻ, khai thác, phát triển sản phẩm dữ liệu và xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá giá trị khai thác dữ liệu được xem xét trên cơ sở các yếu tố sau đây:

a) Mức độ đầy đủ, chính xác, tin cậy và chất lượng dữ liệu;

b) Tần suất cập nhật, khả năng duy trì, làm giàu và tái sử dụng dữ liệu;

c) Phạm vi, mục đích, thời hạn và điều kiện khai thác dữ liệu;

d) Giá trị phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và lợi ích công cộng;

đ) Chi phí tạo lập, thu thập, chuẩn hóa, duy trì, bảo vệ, làm giàu và quản lý dữ liệu;

e) Mức độ rủi ro về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Việc xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu, cơ chế chia sẻ lợi ích và các hình thức hợp tác khác liên quan đến dữ liệu phải thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phương pháp xác định giá, cơ chế quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

4. Việc đánh giá, xác định giá trị quyền khai thác dữ liệu không áp dụng đối với các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 Quy định này.

Điều 46. Tổ chức trung gian dữ liệu và cơ chế ủy thác dữ liệu

1. Thành phố khuyến khích hình thành các tổ chức trung gian dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện:

a) Chuẩn hóa dữ liệu;

b) Kiểm định dữ liệu;

c) Định giá dữ liệu;

d) Môi giới dữ liệu;

đ) Quản lý, vận hành dữ liệu theo ủy quyền.

2. Tổ chức trung gian dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm tính độc lập, minh bạch, khách quan và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích áp dụng mô hình quản lý dữ liệu tin cậy nhằm nâng cao hiệu quả chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư.

Điều 47. Khai thác dữ liệu phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo

1. Thành phố khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học khai thác dữ liệu hợp pháp để phát triển mô hình trí tuệ nhân tạo, mô hình dự báo, sản phẩm dữ liệu, dịch vụ số và giải pháp phục vụ quản trị đô thị, phát triển kinh tế - xã hội và lợi ích công cộng.

2. Việc khai thác dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện đối với dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu được phép chia sẻ, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu đã được ẩn danh hóa hoặc dữ liệu khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật. Không khai thác các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 Quy định này.

3. Thành phố ưu tiên xây dựng, cung cấp môi trường dữ liệu thử nghiệm có kiểm soát phục vụ nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm công nghệ mới. Môi trường dữ liệu thử nghiệm phải bảo đảm phân quyền truy cập, ghi nhật ký khai thác, kiểm soát mục đích sử dụng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước,

bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và cơ chế thu hồi, xóa, hủy dữ liệu sau khi kết thúc thử nghiệm.

4. Việc phát triển, cung cấp, triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo hình thành từ dữ liệu được khai thác theo Điều này thực hiện theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo và pháp luật có liên quan; trường hợp hệ thống trí tuệ nhân tạo được triển khai phục vụ hoạt động quản lý nhà nước thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Quy định này.

Điều 48. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với dữ liệu

1. Thành phố nghiên cứu, đề xuất và tổ chức thí điểm có kiểm soát đối với sản phẩm dữ liệu, công nghệ bảo vệ dữ liệu, mô hình phân tích, mô hình dự báo, dịch vụ hỗ trợ khai thác dữ liệu và các giải pháp đổi mới sáng tạo liên quan đến dữ liệu theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc thí điểm mô hình kinh doanh dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu hoặc các mô hình khai thác dữ liệu có tác động đến thị trường, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải bảo đảm công khai, minh bạch, không phân biệt đối xử, không làm phát sinh đặc quyền khai thác dữ liệu trái quy định của pháp luật.

3. Dữ liệu sử dụng trong thử nghiệm phải là dữ liệu hợp pháp, dữ liệu mở, dữ liệu công khai, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu đã được ẩn danh hóa hoặc dữ liệu khác đáp ứng điều kiện khai thác theo quy định của pháp luật. Không sử dụng các loại dữ liệu bị hạn chế theo giới hạn quy định tại khoản 12 Điều 5 Quy định này.

4. Đề án thử nghiệm phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, thời hạn, đối tượng tham gia, loại dữ liệu được sử dụng, phương thức xử lý dữ liệu, cơ chế giám sát, tiêu chí đánh giá, phương án xử lý rủi ro, trách nhiệm của các bên, cơ chế tạm dừng, chấm dứt thử nghiệm, thu hồi quyền truy cập, xóa hoặc hủy dữ liệu sau khi kết thúc thử nghiệm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng đề án thí điểm, cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá và xử lý rủi ro, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi tổ chức thực hiện.

6. Việc thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo thực hiện theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo và Quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về bảo đảm an toàn, quản lý rủi ro, biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

7. Trường hợp một hoạt động đồng thời thuộc phạm vi Điều 36, Điều 39 và Điều này, việc thực hiện theo một hồ sơ, đề án thống nhất đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các quy định có liên quan; Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối tiếp nhận, tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xác định cơ chế áp dụng.

Chương V

KINH PHÍ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN

Điều 49. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu, bao gồm kinh phí nâng cấp hệ thống thông tin hiện có của cơ quan, đơn vị để đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Quy định này, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách và trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Ưu tiên, khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tận dụng nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống, ngân sách nhà nước chi trả tiền thuê dịch vụ hàng năm.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước thành phố bảo đảm, các cơ quan, đơn vị được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

Đối với hạ tầng, nền tảng và dịch vụ dùng chung của Thành phố, cơ quan được giao quản lý, vận hành có trách nhiệm bảo đảm điều kiện kỹ thuật theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu không phải đầu tư, xây dựng lại hạ tầng hoặc dịch vụ dùng chung, trừ trường hợp được giao nhiệm vụ và bố trí kinh phí theo quy định.

Điều 50. Nguồn nhân lực thực hiện tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Nhân lực thực hiện tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nhân lực phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 51. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chịu trách nhiệm việc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định này, các quy định, chính sách về quản trị, chia sẻ, khai thác và bảo mật dữ liệu.

2. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị Thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố thực hiện giám sát việc tổ chức tạo lập, quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước Thành phố (bao gồm dữ liệu mở).

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư theo hợp đồng khai thác dữ liệu; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài phạm vi Thành phố.

6. Phối hợp các đơn vị thực hiện tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo liên quan đến việc khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu.

7. Phối hợp Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Công an Thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai Sàn dữ liệu theo đúng theo quy định.

Điều 52. Trách nhiệm của Công an Thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và an ninh dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng dữ liệu của Thành phố.

2. Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Phối hợp thực hiện giám sát việc xây dựng, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ khai thác dữ liệu.

Điều 53. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

1. Đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật và vận hành Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố. Phối hợp triển khai kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu và chia sẻ khai thác dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

2. Hướng dẫn kỹ thuật kết nối; chủ trì tích hợp các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở của Thành phố về Kho dữ liệu dùng chung Thành phố

3. Vận hành Cổng dữ liệu Thành phố, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh Thành phố (IOC), Bản sao số đô thị theo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và văn bản giao quản lý, vận hành của cấp có thẩm quyền.

4. Nghiên cứu, đề xuất nội dung chuyên môn, kỹ thuật và thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật phục vụ việc xây dựng Sàn dữ liệu Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Hỗ trợ Đơn vị chủ quản dữ liệu trong việc xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

6. Chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

7. Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới (đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của Thành phố).

8. Thực hiện báo cáo về tình hình quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 54. Trách nhiệm của Đơn vị chủ quản dữ liệu

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu. Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu, đầu mối kỹ thuật được phân công trong số công chức, người phụ trách chuyển đổi số hoặc nhân sự phù hợp với vị trí việc làm và điều kiện thực tế, không bắt buộc bố trí riêng chức danh cán bộ kỹ thuật.

2. Xác định, ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

3. Rà soát, lập danh mục chi tiết các dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

4. Rà soát dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; xác định điều kiện chia sẻ, khai thác; thiết lập phương thức cung cấp, kiểm soát truy cập, ghi nhận nhật ký; phối hợp kiểm tra, giám sát và xử lý sự cố phát sinh.

5. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố trong việc xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

6. Chịu trách nhiệm trong việc thu thập, tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và danh mục dữ liệu mở của Thành phố. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về Kho dữ liệu dùng chung theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo từ điển dữ liệu đã công bố và các danh mục dữ liệu được ban hành.

7. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

8. Xây dựng các quy định về quyền cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi quản lý của đơn vị theo Điều 14 Quy định này.

9. Chủ trì thiết lập các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

10. Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới đối với các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

11. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình và tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

12. Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 55. Trách nhiệm của Đơn vị sử dụng dữ liệu

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác dữ liệu. Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu, đầu mối kỹ thuật được phân công trong số công chức, người phụ trách chuyển đổi số hoặc nhân sự phù hợp với vị trí việc làm và điều kiện thực tế, không bắt buộc bố trí riêng chức danh cán bộ kỹ thuật.

2. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu đúng phạm vi cho phép theo các quy định, quy chế, hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố và Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố.

4. Trường hợp Đơn vị sử dụng dữ liệu là bên tham gia hợp đồng khai thác dữ liệu theo Chương IV Quy định này, đơn vị có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thời hạn, đúng phương thức đã được xác định trong hợp đồng; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Phải thực hiện chế độ báo cáo, giải trình, cung cấp nhật ký khai thác dữ liệu, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu đánh giá rủi ro và tài liệu liên quan khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu; đồng thời chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ, dữ liệu dẫn xuất, mô hình phân tích hoặc kết quả khác hình thành từ dữ liệu được khai thác.

5. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu được cấp quyền khai thác, không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, trừ dữ liệu mở đã được công bố.

6. Được phép phát triển hệ thống thông tin sử dụng dữ liệu đã được cấp quyền truy cập để phục vụ cho nhu cầu quản lý của đơn vị. Khi đó, đơn vị sử dụng dữ liệu có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu về bảo mật dữ liệu và quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu theo Điều 14 Quy định này.

7. Thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

8. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Đơn vị chủ quản dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

Điều 56. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hàng năm cho các đơn vị theo đúng quy định để triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, tạo lập, quản lý, làm sạch, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật Ngân sách

nhà nước, phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

Điều 57. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Tổ chức tạo lập, cập nhật, kiểm tra, khai thác và sử dụng dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phân công, phân cấp và hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành.

2. Thực hiện trách nhiệm của Đơn vị chủ quản dữ liệu đối với cơ sở dữ liệu, tập dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền giao chủ quản.

3. Phân công đầu mối phụ trách dữ liệu, chuyển đổi số phù hợp với vị trí việc làm và nhân lực hiện có; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và cơ quan chuyên ngành trong việc chuẩn hóa, kết nối, cập nhật và xử lý sai lệch dữ liệu.

4. Khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước và chỉ đạo, điều hành theo phạm vi được phân quyền.

5. Không tự xây dựng hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu hoặc thực hiện hợp đồng khai thác dữ liệu công - tư đối với dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao, phê duyệt hoặc ủy quyền theo quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 58. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy định này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 59. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy định này tại đơn vị.

2. Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.